

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày /7/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Hơi mùi, khí thải từ khu vực làm sạch đế giày, dán keo.
- Nguồn số 02: Hơi mùi, khí thải từ khu vực in.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ khu vực lò hơi.

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải

- Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép: 03 dòng
 - + Dòng khí thải 01: 01 dòng khí thải phát sinh từ khu vực làm sạch đế giày, dán keo được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống phóng không.
 - + Dòng khí thải 02: 01 dòng khí thải phát sinh từ khu vực in được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống phóng không.
 - + Dòng khí thải 03: 01 dòng khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống phóng không.
- Lưu lượng xả khí thải tối đa
 - + Nguồn số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 30.000 m³/h.
 - + Nguồn số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 10.000 m³/h.
 - + Nguồn số 03: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 14.000 m³/h.
- Vị trí xả khí thải
 - + Toạ độ vị trí xả khí thải nguồn số 01: X(m) = 2237186; Y(m) = 0574514.
 - + Toạ độ vị trí xả khí thải nguồn số 02: X(m) = 2237152; Y(m) = 0574517.
 - + Toạ độ vị trí xả khí thải nguồn số 03: X(m) = 2237060; Y(m) = 0574604.

(theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰)
- Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức, gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.
- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số K_p, K_v = 1), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm theo QCVN 20:2009/ BTNMT	Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B) (C = C _{max})	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
I	Đối với dòng khí thải số 01				02 lần/năm theo đề nghị và cam kết của Chủ dự án	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
1	Toluen	mg/Nm ³	750	-		
2	Benzen	mg/Nm ³	05	-		
3	Cyclohexan	mg/Nm ³	1.300	-		
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	1.400	-		
II	Đối với dòng khí thải số 02					
1	Toluen	mg/Nm ³	750	-		
2	Benzen	mg/Nm ³	05	-		
III	Đối với dòng khí thải số 03					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	-	200		
2	CO	mg/Nm ³	-	1.000		
3	SO ₂	mg/Nm ³	-	500		
4	NO _x	mg/Nm ³	-	850		

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực làm sạch đế giày và dán keo được quạt hút công suất 22 kW thu gom theo đường ống $\phi 150$, $\phi 250$, $\phi 300$, $\phi 500$ dẫn về thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý.

- Nguồn số 02: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực in được quạt hút công suất 5,5 kW thu gom theo đường ống $\phi 200$, $\phi 500$ dẫn về thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý.

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được quạt hút công suất 7,5 kW thu gom theo đường ống $\Phi 1000$ dẫn về tháp xử lý khí để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công trình biện pháp xử lý, giảm thiểu hơi mùi phát sinh tại khu vực làm sạch đế giày, dán keo

Quy trình hệ thống xử lý hơi mùi khí thải khu vực làm sạch đế giày, dán keo: Hơi mùi keo, axeton → Chụp hút → Đường ống → Quạt hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT → 01 ống phóng không cao 05 m (tính từ mặt đất).

- Công trình biện pháp xử lý, giảm thiểu hơi mùi phát sinh tại khu vực in

Quy trình hệ thống xử lý khí thải hơi mùi khu vực in: Hơi mùi khu vực in → Chụp hút → Đường ống → Quạt hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT → 01 ống phóng không cao 10 m (tính từ mặt đất).

- Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải khu vực lò hơi

Quy trình hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Bụi, khí thải lò hơi → Tháp xử lý khí → Bể hấp thụ bằng NaOH → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (B) thoát ra ngoài môi trường qua ống khói cao 7,2 m (tính từ mặt đất).

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu của 03 hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nguyên liệu sử dụng: Than hoạt tính 2,5 tấn; NaOH 1,2 tấn/năm.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác

Biện pháp giảm thiểu bụi từ các máy mài đế: Chủ dự án lắp đặt 04 máy mài đế giày tại khu vực xưởng sản xuất số 2. Bụi phát sinh trong quá trình mài đế giày được quạt hút ly tâm (công suất 2,2 kW với lưu lượng gió 3.600 m³/h) hút theo chụp hút vào đường ống nhánh $\phi 150$ sau đó dẫn về túi lọc bằng vải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý khí thải.

- Biện pháp ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, hơi mùi khí thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống quạt hút, chụp hút, kiểm tra chất lượng của lớp than hoạt tính nhằm phát hiện kịp thời vị trí bị hỏng hóc. Khi có sự cố, cử công nhân kịp thời sửa chữa và thay thế các thiết bị hỏng hóc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (Dự kiến từ ngày 01/6/2025 đến hết ngày 30/11/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực làm sạch đế giày, dán keo.

- Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải khu vực in.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải khu vực lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

03 mẫu, trong đó:

- 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống xử lý khí thải khu vực làm sạch đế giày, dán keo (xưởng sản xuất số 02).

- 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống xử lý khí thải khu vực in (xưởng sản xuất số 03).

- 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống xử lý khí thải khu vực lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải: Ít nhất 01 ngày/lần tại 03 lỗ kỹ thuật trên thân 03 ống phóng không của hệ thống xử lý hơi mùi, bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Trục Ninh trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thu gom xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

- Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

+ Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

+ Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động phát sinh khí thải, nhanh chóng khắc phục sự cố và báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Trục Ninh để kịp thời xử lý./.